TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 391 /2023/HC-PT
Ngày: 28/11/2023
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Cường**

bà **Trần Thị Kim Liên**

Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 193/2022/TLPT-HC ngày 26 tháng 9 năm 2023 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2023/HC-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Bình L. Địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

+ Ông Nguyễn Đức D; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Khánh L, Địa chỉ: tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thiên V – Phó Chủ tịch tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Trần Văn S - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Văn Quốc T - Chuyên viên Phòng quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk. Cùng địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Kiên C – Chủ tịch uỷ ban nhân dân huyện K; vắng mặt.

3. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện K và Chủ tịch UBND huyện K: Ông Phan Hoàng L – Phó Chủ tịch; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Đức Du.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Nguyễn Bình L là người sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất 2898,3m², tọa lạc tại: thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thuộc thửa đất số 33, mảnh trích đo 04 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk lập ngày 31/07/2019.

Về nguồn gốc đất: Do ông Lưu Xuân T khai hoang năm 1989, năm 2002 ông T chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Bình L, năm 2005 ông Nguyễn Bình L xây dựng nhà và sinh sống ổn định trên đất từ năm 2002 cho đến nay. Quá trình sinh sống, xây dựng nhà không bị Chính quyền địa phương nhắc nhở hoặc lập biên bản xử lý vi phạm hành chính, hàng năm ông L đều thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Để thực hiện dự án xây dựng công trình đường giao thông trục chính trung tâm N6, huyện K. Ngày 21/12/2020, UBND huyện K ban hành Quyết định số 4193/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần diện tích trên, 1.351,2 m² (còn lại 1,547,1m²), đồng thời UBND huyện K ban hành Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, khi Nhà nước thu hồi đất *(sau đây gọi tắt là Quyết định số 4196)*. Tại Quyết định số 4196 của UBND huyện K chỉ phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho ông L số tiền là 902.282.373 đồng, bao gồm: Bồi thường, hỗ trợ về đất; Bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất; Hỗ trợ công trình trên đất và một số khoản hỗ trợ khác là chưa đúng và đủ theo quy định pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người bị thu hồi đất. Không đồng ý với quyết định trên, ông L làm đơn khiếu nại đến Cơ quan có thẩm quyền.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 75/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K (*Sau đây gọi tắt là Quyết định số 75)*

và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 1317/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk (*Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1317)* đều không chấp nhận đơn khiếu nại của ông L và giữ nguyên quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện K. Việc Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, Chủ tịch UBND huyện K không chấp nhận đơn khiếu nại để điều chỉnh lại Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là chưa đúng quy định pháp luật, chưa phù hợp với hiện trạng, nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, tạo lập tài sản trên đất. Cụ thể như sau:

- Thứ nhất: Bồi thường, hỗ trợ về đất: UBND huyện K thu hồi diện tích 1.351,2m² nhưng chỉ bồi thường với số tiền 463.650.768 đồng theo giá đất nông nghiệp (Đất trồng cây lâu năm) là quá thấp và không đúng với mục đích sử dụng đất của ông L. Quyết định giải quyết khiếu nại cho rằng phần diện tích đất mà ông L đang sử dụng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa chuyển mục đích sử dụng đất nên chỉ được bồi thường theo giá đất nông nghiệp là không chính xác. Bởi lẽ, thửa đất của ông L đang sử dụng đã được Hội đồng đăng ký đất đai UBND xã C xác nhận có nguồn gốc do ông Lưu Xuân T khai hoang năm 1989, sau đó chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Bình L vào năm 2002, năm 2005 ông L trực tiếp sử dụng vào mục đích làm nhà ở cho đến nay là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất ở tại địa phương (giai đoạn 2006 – 2010 và giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020) và không tranh chấp.

Vấn đề này đã được Quyết định số 4196 ghi nhận tại phần xác định về nguồn gốc sử dụng đất, cụ thể: *"Ông Lưu Xuân T khai hoang năm 1989, năm 2002 sang nhượng lại cho ông Nguyễn Bình L sử dụng ổn định đến nay; Thời điểm sử dụng đất: Đất ở sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay (Trước khi sử dụng vào mục đích đất ở là đất trồng cây lâu năm sử dụng ổn định từ năm 1990 đến năm 1992), đất trồng cây lâu năm sử dụng ổn định từ năm 1990 đến nay, không tranh chấp"*. Cho nên, ông L thuộc trường hợp đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được công nhận đối với 400m^2 đất ở tại nông thôn (Phần diện tích có nhà ở ổn định) theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai. Việc ông L chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ là thủ tục hành chính và có phần do lỗi của UBND huyện K, trong khi hồ sơ đăng ký đất đai của ông L đã đầy đủ tại UBND xã C.

Việc UBND huyện K áp giá đối với toàn bộ phần diện tích đất bị thu hồi 1.351,2m² (Đã có nhà ở ổn định từ năm 2005) theo giá đất nông nghiệp để bồi thường là chưa đúng quy định. Lẽ ra, ông L phải được bồi thường theo giá đất ở tại nông thôn thì mới đúng pháp luật.

Mặt khác, cũng tương tự như trường hợp của ông L vào thời điểm năm 2010 -2012 khi Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất tại thôn N, xã C, huyện K gần sát với vị trí đất của ông L hiện nay để xây dựng trụ sở UBND huyện K, Tòa án nhân dân huyện K.v.v.. thì các trường hợp bị thu hồi đất là: Ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Đức C và nhiều hộ dân khác tại khu vực đều được Nhà nước bồi thường theo giá đất ở tại nông thôn, mặc dù đất

chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận và công nhận phần diện tích đất có nhà ở đã sử dụng ổn định từ trước. Mặc dù, ông L đã cung cấp các thông tin này trong quá trình giải quyết khiếu nại nhưng lại không được xem xét một cách khách quan, toàn diện.

- Thứ hai: Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình và tài sản khác gắn liền với đất. Quyết định giải quyết khiếu nại cho rằng ông L xây dựng nhà ở trên đất chưa chuyển mục đích sử dụng đất, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới theo quy định tại Điều 89 Luật Đất đai mà chỉ được hỗ trợ với mức 60% là chưa chính xác, chưa đúng quy định pháp luật. Vì thửa đất ông L đang sử dụng mặc dù chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các tài sản là nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác gắn liền với đất phải được bồi thường bằng 100% giá trị tài sản, chứ không phải chỉ được hỗ trợ với mức 60% và 30% theo quyết định giải quyết khiếu nại là quá thấp, gây thiệt hại nghiêm trọng cho người bị thu hồi đất. Với khoản tiền hỗ trợ chỉ 60% và 30% tài sản trên đất là không đủ để gia đình ông L có thể xây dựng nhà ở mới, công trình chuồng trại mới tại nơi tái định cư.

Bên cạnh đó, gia đình ông L thuộc diện phải di dời toàn bộ nhà ở, công trình trên đất đi nơi khác, thế nhưng những tài sản còn lại phải bỏ hoang, không được sử dụng như sân phơi, giếng nước, công trình thái dương năng… lại không được UBND huyện K lên phương án bồi thường hỗ trợ là thiếu sót, chưa đầy đủ.

- Thứ ba: Về các khoản hỗ trợ khác: Yêu cầu UBND huyện K bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ di chuyển chỗ ở và tái định cư cũng chưa đầy đủ và chưa phù hợp với quy định, gây bất lợi cho người bị thu hồi đất. Trong khi hộ gia đình ông L có nhiều nhân khẩu trực tiếp canh tác, sản xuất nông nghiệp.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người sử dụng đất thuộc trường hợp bị Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội nhưng về các khoản bồi thường, hỗ trợ cho người sử dụng đất lại chưa đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của người bị thu hồi đất. Cho nên, ông Nguyễn Bình L đã khởi kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, Chủ tịch UBND huyện K và UBND huyện K ra trước Tòa án với nội dung: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1317/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk và Quyết định giải quyết khiếu nại số 75/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K, một phần Quyết định số 4196 liên quan đến các khoản bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất và các khoản hỗ trợ khác đối với ông Nguyễn Bình L, do chưa đúng quy định pháp luật và buộc UBND huyện K xây dựng lại Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất và các khoản hỗ trợ khác cho người bị thu hồi đất theo đúng quy định pháp luật.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk trình bày:**

Nội dung bồi thường về đất: Theo kết quả xác minh, việc sử dụng đất của ông Nguyễn Bình L thuộc trường hợp không có giấy tờ theo quy định và có nguồn gốc là đất lấn chiếm và chuyển mục đích sử dụng đất trái phép, nên việc xác định loại đất để bồi thường khi thu hồi đất được quy định tại Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP, cụ thể: *"Trường hợp đang sử dụng đất ổn định mà không phải do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì loại đất được xác định theo hiện trạng đang sử dụng; Trường hợp đang sử dụng, đất do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất".* Do đó, việc UBND huyện K xác định thửa đất ông L đang khiếu nại là đất nông nghiệp và căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai 2013 bồi thường cho ông L theo loại đất nông nghiệp là đúng quy định. Việc xây dựng đơn giá bồi thường đất nông nghiệp của UBND huyện K đối với thửa đất của ông L là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật và phù hợp với giá thị trường.

Nội dung liên quan đến giá trị bồi thường, hỗ trợ về công trình trên đất: Các công trình trên đất của ông L đều xây dựng sau ngày 01/7/2004 theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh, các công trình này không đủ điều kiện bồi thường, mà chỉ được hỗ trợ. Do vậy, việc UBND huyện K hỗ trợ 60% đối với các công trình xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014, hỗ trợ 30% đối với công trình xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến ngày có thông báo thu hồi đất là đúng quy định; đơn giá bồi thường áp dụng theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh là đúng quy định của pháp luật.

Nội dung liên quan đến giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất: Việc UBND huyện K áp dụng khoản 1 Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ- UBND của UBND tỉnh về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh, theo đó bồi thường đối với cây trồng chính, hỗ trợ cây trồng vượt mật độ, cây trồng xen là đúng quy định của pháp luật. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng áp dụng theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh là đúng quy định của pháp luật.

Vậy, Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn khởi kiện của ông L và giữ nguyên các Quyết định số 1317, 75, 4196.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện K, UBND huyện K trình bày:**

- UBND huyện K nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Bình L khiếu nại về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện xây dựng dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện K, tỉnh Đắk Lắk. UBND huyện K đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn thực hiện các trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại, cụ thể như sau:

- Quyết định số 299/QĐ-UBND, ngày 12/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung đơn khiếu nại của các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thuộc công trình Đường giao thông trục chính trung tâm (N6) huyện K.

- Quyết định số 300/QĐ-UBND, ngày 12/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện K về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại.

- Quyết định số 1202/QĐ-UBND, ngày 17/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện K về việc gia hạn thời hạn xác minh.

- Báo cáo số 99/BC-ĐXM, ngày 30/12/2021 của Đoàn xác minh số 300 về kết quả kiểm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Bình L, trú tại: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk,

- Biên bản đối thoại ngày 31/12/2021.

- Quyết định số 75/QĐ-UBND, ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Bình L.

Về nội dung liên quan đến giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất:

Diện tích 1.351,2m² đất ông Nguyễn Bình L đang khiếu nại thuộc thửa đất số 33, mảnh trích đo địa chính số 14690/TL-VPĐK tại thôn N, xã C, huyện K, nằm trong phần đất thu hồi của Ban QLDA rừng phòng hộ Quốc lộ 14 giao cho UBND huyện K quản lý tại quyết định số 874/QĐ-UB ngày 24/7/2004. Năm 1989 ông Lưu Xuân T khai đã bao chiếm diện tích đất này để sản xuất đất nông nghiệp, đến năm 2002 sang nhượng cho ông Nguyễn Bình L sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp. Diện tích đất thu hồi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Vì vậy, căn cứ vào Quyết định số 2875/QĐ-UBND, ngày 19/8/2020 của UBND huyện K về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện K, hệ số điều chỉnh giá đất bằng 7,03 lần tính trên giá đất trồng cây lâu năm tại vị trí 1, bảng số 3 tại thôn N, xã C có mức giá 38.000 đồng/m², được quy định tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Việc áp giá trị bồi thường hỗ trợ về đất đối với thửa đất thu hồi của hộ ông L theo đơn giá nông nghiệp với hệ số điều chỉnh bằng 7,03 lần tính trên giá đất trồng cây lâu năm tại vị trí 01, bảng số 3, tại thôn N, xã C là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung liên quan đến giá trị bồi thường, hỗ trợ công trình trên đất: Ông L và ông Lưu Xuân T chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo như quy định pháp luật mà đã tiến hành xây dựng nhà ở, tài sản gắn liền trên đất không đúng mục đích sử dụng đất. Vì vậy, theo quy định tại khoản 9, Điều 1, Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh nên nhà ở, công trình xây dựng của hộ ông L không đủ điều kiện bồi

thường mà chỉ được hỗ trợ theo như quy định. Giá trị hỗ trợ bằng 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; hỗ trợ bằng 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới. Vì vậy, việc ông L cho rằng giá trị bồi thường, hỗ trợ về công trình trên đất là chưa sát với giá trị thị trường là không có cơ sở.

Về nội dung liên quan đến giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất: Biên bản kiểm kê tài sản, đất đai và hoa màu số 47/BB-TTPTQĐ, ngày 28/10/2019 của hộ ông Nguyễn Bình L và các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định về bồi thường, hỗ trợ về cây trồng trên đất. Việc áp giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng trên đất của hộ ông L là đúng theo quy định tại Khoản 1, Điều 4, Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND, ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bản tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, việc ông L cho rằng giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên đất trên phần diện tích 1351,2 m^2 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện xây dựng Dự án là chưa sát với giá trị thị trường là không có cơ sở.

Về nội dung liên quan đến cấp đất tái định cư: Theo quy định tại khoản 1 Điều 1, Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì hộ ông L đã được giao 01 thửa đất có thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư thôn 6, xã Cư Né, huyện K. Ông L đề nghị cấp đất tái định cư theo vị trí trung tâm tương ứng với vị trí đất thu hồi để thực hiện dự án và diện tích khi được cấp tái định cư nhiều hơn là không có cơ sở.

Từ những hồ sơ và chứng cứ đã nêu trên, nhận thấy công tác lập các thủ tục bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện xây dựng dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện K, tỉnh Đắk Lắk và trình tự giải quyết khiếu nại lần đầu đối với trường hợp của ông Nguyễn Bình L – người có đất thu hồi, là đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Bình L, đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2023/HC-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng Hành chính. Căn cứ khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21; Điều 29; Điều 30; Điều 38; Điều 39 Luật khiếu nại; Điều 66, khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 18 Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk; khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bình L về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 75/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1317/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, hủy một phần Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đợt II), liên quan đến các khoản bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất và các khoản hỗ trợ khác đối với ông Nguyễn Bình L và yêu cầu buộc UBND huyện K xây dựng lại Phương án bồi thường, hỗ trợ về đất, công trình trên đất và các khoản hỗ trợ khác cho người bị thu hồi đất theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/6/2023, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Đức Du kháng cáo với nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bình L.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà và phát biểu quan điểm vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Chủ toạ phiên toà, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính;

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Đức D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Đức D đúng thủ tục và trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Các Quyết định số 75, số A, số D là các quyết định hành chính. Không đồng ý với các quyết định này nên ông L khởi kiện. Do vậy, vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 21/12/2020 UBND huyện K ban hành Quyết định số 4196, không đồng ý với phương án bồi thường hỗ trợ nên ông L khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện K, ngày 18/01/2022 Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 75, không đồng ý với Quyết định số 75, ông L khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Đ, đến ngày 13/6/2022 Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 1317. Ngày 06/12/2022, ông L làm đơn khởi kiện các quyết định nêu trên tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của khởi kiện của ông Nguyễn Bình L:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định :

Các quyết định Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện K về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường giao thông trục chính trung tâm N6 huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đợt II), Quyết định giải quyết khiếu nại số 75/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện K, Quyết định giải quyết khiếu nại số 1317/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ, được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 21, Điều 29, 30, 38, 39 Luật khiếu nại

[2.2] Về nội dung:

- Đối với việc áp giá bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi 1.351,2m² của ông Nguyễn Bình L, nhận thấy:

Phần diện tích đất của ông L bị thu hồi nằm trong thửa đất số 33, mảnh trích đo 04, diện tích 2898,3 m^2 tại thôn N, xã C, huyện K có nguồn gốc là đất nằm trong lâm phần do Lâm trường Cư Né quản lý. Năm 1989, ông Lưu Xuân T đi kinh tế mới đã bao chiếm diện tích đất này để sản xuất nông nghiệp. Đến năm 1997, Lâm trường Cư Né giải thể, diện tích này được giao về địa phương do UBND xã C quản lý. Đến năm 2002, ông T sang nhượng diện tích đất nông nghiệp này cho ông L bằng giấy viết tay để tiếp tục sử dụng sản xuất nông nghiệp. Năm 2005, ông L xây dựng nhà để ở. Ông L cho rằng đất do ông T khai hoang năm 1989 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Như vậy, ông L chưa được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, không có các giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sử dụng đất của mình, thửa đất của ông sử dụng là đất nông nghiệp do UBND xã C quản lý. Việc ông L xây dựng nhà ở năm 2005 trên đất nông nghiệp mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép là việc chuyển mục đích sử dụng đất trái phép.

Do đó, UBND huyện K căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng thửa đất nêu trên để xác định diện tích đất 1351,2 m^2 ông L đang sử dụng là loại đất nông nghiệp và căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai 2013, Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP để bồi thường cho ông L theo loại đất nông nghiệp là có căn cứ.

- Về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình và tài sản khác gắn liền với đất:

Ông Nguyễn Bình L chưa thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất mà đã tiến hành xây dựng nhà ở, công trình trên đất không đúng mục đích sử dụng đất nên nhà ở, công trình xây dựng của hộ ông L không đủ điều kiện bồi thường mà chỉ được hỗ trợ theo quy định. Gia đình ông L được hỗ trợ với giá trị hỗ trợ bằng 60% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; hỗ trợ bằng 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất theo giá xây dựng mới là đúng quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ ngày 19/12/2019 về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của UBND tỉnh Đ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Do vậy, ông L yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình và tài sản khác gắn liền với đất phải được bồi thường bằng 100% giá trị tài sản là không có căn cứ.

- Về yêu cầu UBND huyện K bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống, di chuyển chỗ ở và các hỗ trợ khác, thấy rằng:

Tại Quyết định số 4196/QĐ-UBND hộ ông L đã được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với số tiền 102.691.200 đồng theo quy định tại Điều 18 Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đồng thời, hộ ông L đã được hỗ trợ di chuyển chỗ ở, ổn định đời sống, hỗ trợ 01 lô đất tái định cư nên việc ông L yêu cầu hủy Quyết định 4196 là không có căn cứ. Do đó ông Nguyễn Bình L yêu cầu hủy Quyết định số 4196 là không có cơ sở nên không có căn cứ để hủy các Quyết định số 75, 1317.

Với các nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Bình L là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Tại giai đoạn phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, do đó Toà án cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

[4]. Về án phí phí phúc thẩm hành chính: Ông Nguyễn Bình L là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Bình L, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2023/HC-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm hành chính: Ông Nguyễn Bình L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp